

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.:

20250521/KTGD/FUEKIV30-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2025
Ho Chi Minh City, May 21, 2025

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Invest

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ *KIM GROWTH VN30 ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUEKIV30
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 20/05/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	1,600	4.40%
2	BCM	100	0.66%
3	BID	100	0.39%
4	BVH	100	0.52%
5	CTG	300	1.27%
6	FPT	700	8.95%
7	GAS	100	0.66%
8	GVR	200	0.59%
9	HDB	1,100	2.62%
10	HPG	3,300	9.15%
11	LPB	1,100	3.89%
12	MBB	1,300	3.46%
13	MSN	800	5.36%
14	MWG	1,000	6.89%
15	PLX	100	0.38%
16	SAB	100	0.54%
17	SHB	1,300	1.88%
18	SSB	800	1.63%
19	SSI	600	1.52%
20	STB	800	3.37%
21	TCB	1,800	5.74%
22	TPB	500	0.73%
23	VCB	400	2.47%
24	VHM	1,000	6.36%
25	VIB	900	1.75%
26	VIC	1,100	10.18%
27	VJC	300	2.86%
28	VNM	800	4.85%
29	VPB	1,600	3.15%
30	VRE	900	2.41%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	12,930,974	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket value</i> : (VND)	911,695,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i> : (VND)	924,625,974
- Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i> : (VND)	12,930,974

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash*:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	25,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	36,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	48,250	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	SSI	23,350	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria*:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ Difference
	20/05/2025	19/05/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>		1	(1)
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	207,500,000	207,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	9,180.00	9,070.00	110.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	1,919,523,523,681	1,920,893,672,359	(1,370,148,678)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	924,625,974	924,840,477	(214,503)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	9,246.25	9,248.40	(2.15)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,407.52	1,379.75	27.77

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 19/05/2025

/ *Item 5 is net asset value at 19/05/2025*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 18/05/2025

/ *Item 5 is net asset value at 18/05/2025*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC